TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2020/HNGĐ-ST Ngày 29-5-2020 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 29/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐST – HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Văn S, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khóm V, TT. T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Thúy A, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Khóm V, TT. T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị A có mặt tại phiên tòa. Anh S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày: Anh S và chị A chung sống với nhau từ năm 2005 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng ý kiến và vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thúy A.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh S và chị A có 02 con chung là Trần Thanh T (sinh ngày 19/3/2007) và Trần Thanh Q (sinh ngày 15/10/2013). Hiện nay, T và Q đang sống với chị A. Khi ly hôn, anh S đồng ý giao cháu T và cháu Q cho chị A nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi 02 con là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay, anh S xin vắng mặt. Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt anh S trình bày yêu cầu ly hôn với chị A. Về con chung: đồng ý giao các cháu T, Q cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con (do chị A không yêu cầu).

Bị đơn chị Nguyễn Thúy A trình bày: Chị và anh S chung sống năm 2005, không có đăng ký kết hôn đúng như anh S trình bày. Hiện nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh S và chị A có 02 con chung là Trần Thanh T (sinh ngày 19/3/2007) và Trần Thanh Q (sinh ngày 15/10/2013). Hiện nay, T và Q đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được nuôi con chung là T và Q. Không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc anh S khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn chị A hiện nay đang cư trú tại thị trấn T huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh S là nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Anh S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị A. Tại phiên tòa hôm nay, anh S vắng mặt nhưng theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt anh S yêu cầu ly hôn với chị A; về con chung, đồng ý giao chị A tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con (do chị A không yêu cầu); về tài sản chung, nợ chung không có.

Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa chị A đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S. Từ đó, nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã quá trầm trọng, tình cảm

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A trình bày vợ chồng không có đăng ký kết hôn; đồng thời theo xác nhận ngày 29/4/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì anh S và chị A không có đăng ký kết hôn. Do đó, không công nhận anh S và chị A là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh S và chị A có 02 con chung là Trần Thanh T (sinh ngày 19/3/2007) và Trần Thanh Q (sinh ngày 15/10/2013). Hiện nay, các cháu đang sống chung với chị A. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S và chị A thống nhất giao các cháu cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay các cháu sống chung với chị A; mặt khác nguyện vọng của cháu T là được sống với chị A. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu T, Q cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị A không yêu cầu).

[4] Về tài sản chung: Anh S và chị A đều trình bày không có.

[5] Về nợ chung: Anh S và chị A đều trình bày không có.

[6] Về án phí: Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thúy A là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Thanh T (sinh ngày 19/3/2007), Trần Thanh Q (sinh ngày 15/10/2013) cho chị Nguyễn Thúy A được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị A không yêu cầu).

Anh Trần Văn S được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu T, cháu Q, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi

người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí:

Anh Trần Văn S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp theo biên lai số BH/2019/0002729, quyển số 0055 ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Chị A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang